

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - NHIỆM VỤ TIỀN ĐỀ TRONG CAN THIỆP VÀ GIÁO DỤC CHO TRẺ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỈ LỨA TUỔI MẪU GIÁO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG*

Ngày nhận bài: 30/05/2017; ngày sửa chữa: 08/06/2017; ngày duyệt đăng: 13/06/2017.

Abstract: Autism spectrum disorder is a form of diffuse disability, occurring very complex. Autistic disorder children are on the increase trend not only in Vietnam but around the world. One of the typical difficulties of children with autism spectrum disorders is the delay or complete loss of speech language and many communication difficulties. Language development for children with autism has always been of particular interest to educators and is an important first step in the intervention and education of autism spectrum disorders. There have been many studies in the world on this subject; however, it must be flexibly adapted to suit each child's developmental characteristics as well as the educational environment and conditions of Vietnam to be effective.

Keywords: Language, autism spectrum disorder, kindergarten, intervention.

Rối loạn phổ tự kỉ" (RLPTK) hay "trẻ tự kỉ" (TTK) là thuật ngữ nói đến một nhóm đối tượng trẻ em có rối loạn phức tạp trong sự phát triển của não bộ (sau đây gọi chung là trẻ có rối loạn phổ tự kỉ - trẻ RLPTK). Nhóm trẻ em này có khó khăn đặc trưng trong ngôn ngữ (NN), các hành vi sở thích định hình và tương tác xã hội. Trong các khó khăn đó thì khó khăn về NN có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giao tiếp, học tập, cải thiện hành vi cũng như hòa nhập xã hội của trẻ. Đứng trước nhu cầu cấp thiết về việc can thiệp cho trẻ RLPTK ở Việt Nam, chúng ta cần nghiên cứu những thành tựu trong can thiệp về NN cho trẻ RLPTK trên thế giới, qua đó tìm ra các hướng can thiệp, phương pháp can thiệp phù hợp cho trẻ RLPTK tại Việt Nam.

1. Các nghiên cứu về phát triển ngôn ngữ (PTNN) cho trẻ RLPTK

Nghiên cứu về những kĩ năng cần thiết trong PTNN cho trẻ RLPTK, nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài đã đưa ra nhận định: - Người dạy trẻ phải dùng những kĩ thuật cơ bản trong việc tạo ra các động tác, nhắc nhở, giảm dần nhắc nhở; - Việc hướng dẫn can thiệp NN hàng ngày cho trẻ RLPTK không biết nói thì giáo viên hướng dẫn phải có kiến thức và nhiều cách tăng cường giao tiếp khác nhau cho trẻ (NN ra dấu, giao tiếp bằng tranh, trao đổi tranh hình...) và dạy trẻ biết cách sử dụng những hệ thống đặc biệt này; - Việc thiết lập một chương trình can thiệp NN cho trẻ RLPTK không nói được là cách sử dụng một chương trình kiểm tra và giảng dạy hiệu quả, cùng một hệ thống theo khả năng diễn đạt NN.

Trong số các hướng can thiệp cho trẻ RLPTK thì phương pháp ABA (Applied Behavior Analysis - Phân tích hành vi ứng dụng) là một trong những hướng can

thiệp ra đời sớm nhất, phổ biến nhất và được đánh giá hiệu quả nhất trên thế giới hiện nay. Phương pháp ABA/VB (Applied Behavior Analysis and Verbal Behavior) là phát triển mới nhất của ABA, là một dạng tự nhiên của ABA, bổ sung can thiệp hành vi NN mà nhiều chương trình ABA không có. Phương pháp này khuyến khích trẻ học NN bằng cách nối các từ với mục đích của chúng; tập trung dạy trẻ hiểu tại sao chúng phải dùng NN, không tập trung dạy trẻ những từ vựng đơn thuần mà dạy trẻ biết yêu cầu và giao tiếp với người khác. ABA/VB chú trọng dạy *NN diễn đạt* (expressive language) *trước NN nhận thức* (receptive language) trong khi ABA lại dạy *NN nhận thức trước NN diễn đạt*. Ngoài ra, còn đưa ra cách dạy trẻ RLPTK biết trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi thông qua giao tiếp (gọi là giảng dạy khả năng đối thoại nơi trẻ, gia tăng lời nói), dạy trẻ RLPTK nói cả câu, hiểu và sử dụng từ trừu tượng. Và cũng giống như rất nhiều chương trình ABA, chương trình ABA/VB sẽ sử dụng chiến lược dạy học "không sai sót" bằng cách là *gợi ý*, sau đó *giảm dần sự gợi ý* và sử dụng dạy từng bước nhỏ. Phương pháp ABA/VB còn nhấn mạnh đến *kĩ thuật Paring* - kĩ thuật chơi cùng trẻ để tạo ra hứng thú, động cơ chơi và học tập. Cha mẹ, nhà trị liệu, thầy cô giáo tiếp cận với trẻ như mang tới cho trẻ sự khuyến khích/phần thưởng, thứ mà các trẻ rất thích. Trẻ RLPTK hiểu rằng, chơi với bạn thì tốt hơn không có bạn, từ đó, việc học NN của trẻ RLPTK có ích lợi.

Ngoài ra, có những nghiên cứu cho rằng, trẻ RLPTK cần phải học NN thông qua giao tiếp. Giao tiếp của con người với nhau là minh chứng của tư duy năng động và cần đến sự liên kết neuron thần kinh chặt chẽ.

* Trung tâm Giáo dục hòa nhập trẻ em

Để trẻ RLPTK có cuộc sống bình thường, giảm bớt các yếu điểm về giao tiếp, NN thì cần phải phát triển cho trẻ RLPTK tư duy năng động, giao tiếp năng động trong mối quan hệ với mọi người xung quanh. Tư duy năng động và liên kết nơon thần kinh có mối quan hệ qua lại, tương tác lẫn nhau. Chúng tự kỉ có liên quan đến hệ thống nơon thần kinh động và hệ thống nơon thần kinh tĩnh. Theo các nhà khoa học, để thiết lập một tư duy năng động (hay nói khác, để bộ não phát triển một cách năng động) thì cần dựa vào kinh nghiệm hướng dẫn của người lớn. Hay, hội chứng RLPTK là biểu hiện của sự rối loạn liên kết thần kinh trong não bộ, chỉ có những trải nghiệm cụ thể mới có thể thúc đẩy liên kết nơon thần kinh trong não bộ, vì vậy, tốc độ sinh sản các liên kết nơon thần kinh sẽ ảnh hưởng tới quá trình học tập của trẻ RLPTK. Thực tế, nhiều cha mẹ trẻ RLPTK thường nghĩ con họ khó khăn về NN có lời và NN không lời nên chỉ dạy cho trẻ biết cách đáp ứng những nhu cầu cần thiết mà không hình thành bất cứ một liên kết nơon thần kinh trong não để hình thành cho chúng khả năng giao tiếp và sử dụng NN một cách tích cực trong giao tiếp.

Nhằm giúp trẻ RLPTK (TTK) PTNN và giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày, Fern Sussman đã nghiên cứu chương trình "More than words" [1]. Trong chương trình "Hơn cả lời nói" được thiết kế cho cha mẹ TTK có con dưới 6 tuổi với 3 mục tiêu bao gồm: Cha mẹ hiểu, giao tiếp được và trực tiếp thúc đẩy khả năng giao tiếp, NN của con. NN được học tốt nhất thông qua các hoạt động hàng ngày được cấu trúc khoa học, phù hợp khả năng của từng bé. Một chương trình bao gồm: Đánh giá trực tiếp trẻ trước can thiệp, cha mẹ thực hành cùng con dưới sự giám sát của chuyên gia và quay lại video để phân tích về sự tương tác giữa trẻ và cha mẹ; thời gian tối thiểu cho 1 đợt tập huấn là 17,5 - 20 giờ; cha mẹ có 3 đoạn video phản hồi sau mỗi buổi học; chương trình được chia thành 12 nội dung với các bước hướng dẫn rõ ràng, dễ thực hiện; chương trình này cung cấp cho người can thiệp cho TTK những kĩ năng và chiến lược cần thiết, hữu ích để giúp TTK PTNN...

Ngoài ra, những nghiên cứu về PTNN cho trẻ RLPTK thông qua hình ảnh hoá, ngôn ngữ hoá đã đưa ra một cách phát triển NN cho trẻ RLPTK rất hiệu quả dựa trên nhu cầu và năng lực của chính trẻ. Cách dạy trẻ RLPTK học nói được xây dựng trên mô hình "lí thuyết nguyên lí mã hoá kép" (hợp nhất hình ảnh với NN). Năng lực NN và biểu đạt NN dựa trên hình ảnh "Hình dung không chỉ bao gồm những biểu thị tĩnh mà cả những biểu thị động của chuỗi hành động và các mối liên hệ giữa sự vật và hiện tượng". Hình ảnh là

cơ sở nền tảng cho nhiều dạng xử lí NN và mục tiêu học nói là mang đến thông tin dạng hình ảnh ở cấp độ ý thức, để thông tin này trở thành một công cụ biểu đạt, tích hợp với NN để thiết lập quá trình giải mã đồng thời cả NN và hình ảnh. Trẻ RLPTK kém khả năng hình dung ý, khả năng mã hoá kép - khả năng hợp nhất và hình dung NN với khả năng xâu chuỗi cấu phần với tổng thể kém nên dẫn đến khó khăn về kết nối và giao tiếp. Trẻ RLPTK đáp ứng rất tốt với các tư liệu trực quan khi dạy học bằng hình ảnh, vì hình ảnh làm cho NN và môi trường hiện hữu xung quanh trở nên cụ thể với trẻ. Đây là cách dạy hiệu quả, trong đó kênh âm thanh được bổ trợ bằng kênh hình ảnh.

Phần nhiều NN của những trẻ phát triển bình thường được điều khiển bởi những gì trẻ thấy và nghe trong môi trường hàng ngày. Tính dễ tiếp thu, đặt tên, bắt chước được gợi lên bởi những kích thích không lời và bằng lời trong môi trường đó. Phát triển NN trong môi trường tự nhiên (NET) luôn liên quan đến những yếu tố cơ bản của việc huấn luyện những yêu cầu, tức là thường tập trung vào việc thiết lập hoạt động và sử dụng những tăng cường cụ thể. Vì vậy, sử dụng những quan tâm của trẻ RLPTK để chỉ dẫn NN sẽ tránh được khuyết điểm của việc huấn luyện NN trong thử nghiệm riêng biệt, là huấn luyện có thể tạo ra phản hồi "vẹt".

Như vậy, PTNN đối thoại cho trẻ RLPTK sẽ tốt hơn trong môi trường tự nhiên và thông qua giao tiếp. Ở đó, những phương thức thường được bao hàm để tăng gia phản hồi đàm thoại (như "phần mở rộng" trong việc giảng dạy ngôn ngữ ngẫu nhiên). Ở đó, có nhiều điều kiện tốt để giảng dạy NN yêu cầu cho trẻ RLPTK, bởi nó sử dụng những tác nhân kích thích trong môi trường tự nhiên cũng như những tác nhân kích thích mục tiêu.

2. Một số biện pháp PTNN cho trẻ RLPTK

2.1. Phát triển NN cho trẻ RLPTK thông qua trò chuyện. Bằng các câu hỏi định hướng theo chủ đề đã định, giáo viên sẽ hướng dẫn sự suy nghĩ của trẻ vào những yêu cầu cụ thể, khuyến khích trẻ trả lời những câu hỏi đặt ra; qua đó, tập cho trẻ nói đúng, tập đặt câu, diễn đạt, tập trình bày và tập mô tả. Để PTNN cho trẻ RLPTK, trong khi trò chuyện, GV có thể phối hợp một số thủ thuật khác nhau: nói mẫu, nhắc lại, diễn giải, khen ngợi trẻ, nhắc nhở, bắt chước... Nói mẫu nhằm dạy trẻ các từ mới vì trẻ RLPTK có vốn từ hạn hẹp, chỉ dẫn cách thức tốt nhất để giúp trẻ diễn đạt ý nghĩ của mình, củng cố, chính xác hoá các từ, mẫu câu. Khi trò chuyện cùng trẻ, với các từ mới, câu mới hình thành, GV nhắc đi nhắc lại nhiều lần giúp trẻ nhớ lại từ đó hoặc mẫu câu đó. Nhắc lại có thể là: cô nhắc cho trẻ nghe, trẻ nhắc lại theo cô, nhắc lại theo bạn, từng trẻ nhắc lại hoặc đồng thanh cả lớp...

Để PTNN, GV chú ý cách diễn giải nhằm PTNN cho trẻ, luôn làm nổi bật mẫu minh họa bằng cách nhấn mạnh từ, hoặc cường điệu hóa lời nói và hành động. NN diễn giải của GV phải phù hợp với sự PTNN của trẻ RLPTK. Ví dụ, khi trẻ mới chỉ nói được câu 2 từ thì bạn nên diễn giải cho trẻ nghe câu 2-3 từ, như vậy mới mong trẻ hiểu từ bạn nói và sẽ nhớ để bắt chước theo.

Trong khi trò chuyện, nhằm PTNN cho trẻ RLPTK, GV chú ý khen ngợi trẻ đúng cách. Khi khen trẻ luôn kèm nhắc lại câu nói đúng của trẻ nhằm kích thích tính tích cực của trẻ; đồng thời cũng là biện pháp cho trẻ nghe nhiều lần, chính xác hóa các từ, câu, cách trả lời. Không chê trẻ khi nói sai, điều đó sẽ làm cho trẻ ngượng, tự ti và không tích cực tham gia trả lời câu hỏi, PTNN trong các cuộc hội thoại cùng bạn. Bên cạnh khen thưởng, GV phải gợi ý cho trẻ khi trẻ gặp khó khăn trong diễn đạt NN hoặc khó hiểu những đoạn hội thoại của người khác. Hỗ trợ, gợi ý có thể từ toàn phần đến từng phần nhằm khuyến khích trẻ RLPTK có NN chủ động thay vì NN thụ động.

2.2. Kể chuyện theo tranh có chủ đề. Khi trẻ RLPTK nghe GV kể chuyện theo tranh có chủ đề và sau đó trẻ biết kể chuyện lại theo tranh sẽ giúp trẻ nâng cao vốn từ cũng như tích cực hóa nhiều từ loại khác nhau, NN của trẻ mạch lạc, tự nhiên không cứng nhắc, rập khuôn. Để trẻ hứng thú khi nghe GV kể thì lời kể cần ngắn gọn, có logic và đầy đủ các phần: mở đầu, mô tả và kết thúc. Mở đầu của lời kể giới thiệu chủ đề của tranh, để hấp dẫn trẻ, trong lời kể nên có các câu đối thoại giữa các nhân vật. Kết thúc lời kể là những nhận xét, khen ngợi các nhân vật, hành động trong tranh. Nội dung lời kể phải đơn giản, rõ ràng, chủ yếu là mô tả các nhân vật, hành động, đặc điểm, tính chất của các nhân vật đó. Ngoài ra, trong khi tập kể lại chuyện theo tranh, trẻ sẽ chủ động gọi tên các nhân vật, đồ vật, hành động và đặc điểm, tính chất của nhân vật, sự vật đó. Do đó, vốn từ của trẻ sẽ được tích cực hóa với nhiều từ loại khác nhau. Cho trẻ RLPTK tự kể lại chuyện là biện pháp để tích cực hóa vốn từ của trẻ, GV giúp trẻ sử dụng vốn từ của mình để trình bày vấn đề. Nếu trẻ ít vốn từ hoặc sử dụng sai các mẫu câu (như nói ngược, câu thiếu liên từ hay thành phần phụ...) thì GV gợi ý để trẻ diễn đạt lại, mạch lạc, rõ ràng, đủ ý.

2.3. Giúp trẻ RLPTK PTNN qua tranh ảnh. Tranh ảnh có tác dụng kích thích nói và là điều kiện để tích cực hóa vốn từ, cũng như phát triển mẫu câu, rèn NN rõ ràng, mạch lạc cho trẻ RLPTK. Vì vậy, khi hướng dẫn trẻ RLPTK xem tranh, GV giúp trẻ tiếp nhận ra những dấu hiệu phản ánh trong tranh bằng các từ, câu thích hợp làm mở rộng vốn từ của trẻ RLPTK.

2.4. Giúp trẻ RLPTK PTNN qua trò chơi. Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ RLPTK lứa tuổi mẫu giáo. Trong hoạt động vui chơi, các hình thức, thể loại trò chơi như trò chơi sáng tạo, trò chơi vận động, học tập... đều được coi là những phương tiện tích cực giúp trẻ RLPTK PTNN. Mặt khác, chính sự giao tiếp tích cực trong trò chơi, cùng thế giới đồ chơi phong phú đã thúc đẩy nhu cầu giao tiếp bằng NN của trẻ, giúp trẻ RLPTK tích lũy vốn từ, hiểu đúng vốn từ, sử dụng nhiều mẫu câu trong giao tiếp.

2.5. Giúp trẻ RLPTK PTNN qua dạo chơi, tham quan. Qua dạo chơi, tham quan, trẻ RLPTK được tiếp xúc với cảnh vật thiên nhiên, hoạt động của con người, làm quen với những từ gắn liền với đối tượng đang được quan sát. Những thắc mắc, suy nghĩ, nhận xét của trẻ... được GV giúp trẻ hiểu rõ bằng chính những đối tượng xung quanh, giúp trẻ hiểu từ chính xác; đặc biệt giúp trẻ lĩnh hội vốn từ trừu tượng và nhiều mẫu câu phong phú.

Các nghiên cứu gần đây cả ở trong và ngoài nước đều khẳng định trẻ RLPTK có xu thế tăng nhanh. Một trong những khó khăn điển hình của trẻ RLPTK là khó khăn trong NN và giao tiếp. PTNN và giao tiếp cho trẻ RLPTK là một trong những hoạt động can thiệp, hỗ trợ cần phải thực hiện ngay từ đầu nhằm trang bị cho trẻ những kĩ năng cơ bản làm tiền đề cho việc giáo dục, phát triển các lĩnh vực khác của trẻ. Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về phương pháp, biện pháp PTNN cho trẻ RLPTK, tuy nhiên, khi vận dụng vào Việt Nam phải vận dụng linh hoạt sao cho phù hợp với đặc điểm phát triển cá nhân của từng trẻ, phù hợp với các đặc điểm về cơ sở vật chất; đặc biệt là môi trường giao tiếp và phát triển của trẻ. Việc vận dụng hài hòa và linh hoạt các phương pháp PTNN cho trẻ RLPTK 5-6 tuổi sẽ là tiền đề cho việc phát triển nhận thức cũng như những kĩ năng khác giúp trẻ RLPTK có thể học tập và hòa nhập vào đời sống xã hội. □

Tài liệu tham khảo

- [1] F. Sussman (2004). *More than Word*. The Hanen Centre, Canada, n.d.
- [2] C. Embersin - I. Gremy I (2007). *Autism in the United States: Early detection and epidemiological surveillance*. Verbal Behavior Training Seminars.
- [3] J. Finerman (1962). *Observations on the development of imaginative play in early childhood*. Journal of the American Academy of Child Psychiatry, n.d.
- [4] G. Green (2006). *Applied Behavior Analysis for Autism*.
- [5] Lưu Thị Lan (1996). *Những bước phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 1-6 tuổi*. Luận án Phó tiến sĩ Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6] F. Sussman (2006). *Talk Ability*. The Hanen Program.